

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh hai lần và lần gần đây nhất vào ngày 27/12/2012 với mã số doanh nghiệp là 0303171300. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### ***4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### ***4.2 Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.4 Tài sản cố định hữu hình*****Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	6

**4.5 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.7 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

### 4.8 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.10 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in sách giáo khoa, in các tài liệu khác, bán giấy phế liệu và phát hành lịch.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% đối với thu nhập từ hoạt động in xuất bản phẩm; Các hoạt động khác áp dụng thuế suất 25%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Là doanh nghiệp nhỏ và vừa, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính.

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**4.11 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.12 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	21.365.371	132.353.607
Tiền gửi ngân hàng	505.955.963	1.492.584.961
Tương đương tiền	4.300.000.000	9.035.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.827.321.334</b>	<b>10.659.938.568</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	5.200.000	58.009.677
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	8.276.753	-
BHXXH, BHYT nộp thừa	12.164.655	-
Phải thu khác	3.534.370	2.640.000
<b>Cộng</b>	<b>29.175.778</b>	<b>60.649.677</b>

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	285.134.652	438.879.290
Chi phí SX, KD dở dang	2.196.925.561	1.938.908.430
- Chi phí dở dang của hoạt động sản xuất	97.376.126	103.883.735
- Chi phí dở dang của hoạt động Liên doanh	2.099.549.435	1.835.024.695
Thành phẩm	-	137.709.027
<b>Cộng</b>	<b>2.482.060.213</b>	<b>2.515.496.747</b>

### 8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	8.870.658	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	129.456.217	-
<b>Cộng</b>	<b>138.326.875</b>	<b>-</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	12.786.000	4.786.000
<b>Cộng</b>	<b>12.786.000</b>	<b>4.786.000</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	1.842.146.821	20.903.552.635	13.600.000	129.677.331	22.888.976.787
Mua sắm trong năm	-	59.818.182	-	-	59.818.182
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.842.146.821</b>	<b>20.963.370.817</b>	<b>13.600.000</b>	<b>129.677.331</b>	<b>22.948.794.969</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	1.309.866.987	17.974.776.629	13.600.000	119.212.185	19.417.455.801
Khấu hao trong năm	43.766.119	950.026.849	-	5.254.164	999.047.132
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.353.633.106</b>	<b>18.924.803.478</b>	<b>13.600.000</b>	<b>124.466.349</b>	<b>20.416.502.933</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	532.279.834	2.928.776.006	-	10.465.146	3.471.520.986
<b>Số cuối năm</b>	<b>488.513.715</b>	<b>2.038.567.339</b>	<b>-</b>	<b>5.210.982</b>	<b>2.532.292.036</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 9.833.564.176 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm không sử dụng, chờ thanh lý: 559.085.900 đồng.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhà máy in sách giáo khoa tại KCN Cát Lái	1.063.949.681	1.059.404.227
<b>Cộng</b>	<b>1.063.949.681</b>	<b>1.059.404.227</b>

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái (i)	4.496.920.565	4.761.445.305
<b>Cộng</b>	<b>4.496.920.565</b>	<b>4.761.445.305</b>

(i) Là khoản trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm theo hợp đồng thuê đất tại KCN Cát Lái với Công ty Quản lý và Phát triển nhà Quận 2. Thời hạn thuê là 50 năm (kể từ năm 2005). Công ty đã chuyển trả 50% giá trị tiền thuê đất theo hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	30.748.095	38.740.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	201.575.997
Thuế thu nhập cá nhân	-	411.925
<b>Cộng</b>	<b>30.748.095</b>	<b>240.728.498</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhập nguyên vật liệu chưa có hóa đơn tài chính	-	200.544.710
Trích trước chi phí phụ cấp Hội đồng Quản trị	37.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>37.500.000</b>	<b>200.544.710</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	52.123.235	25.597.075
Bảo hiểm xã hội	-	9.953.386
Các khoản phải trả, phải nộp khác	843.497.020	830.117.477
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp Hồ Chí Minh (@)	830.421.879	830.117.477
- Phải trả cổ tức	855.000	-
- Phải trả khác	12.220.141	-
<b>Cộng</b>	<b>895.620.255</b>	<b>865.667.938</b>

(@) Bao gồm: Khoản tiền Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh tại khu công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh là 758.715.000 đồng; khoản giá trị tạm tính của lượng giấy gia công còn thừa mà Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh giao cho Công ty để in sách giáo khoa, số tiền: 71.706.879 đồng.

**16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>12.869.840.000</b>	<b>1.462.373.784</b>	<b>76.950.378</b>	<b>578.610.697</b>	<b>14.987.774.859</b>
Tăng trong năm	-	-	-	830.076.904	830.076.904
Giảm trong năm	-	-	-	637.410.500	637.410.500
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>12.869.840.000</b>	<b>1.462.373.784</b>	<b>76.950.378</b>	<b>771.277.101</b>	<b>15.180.441.263</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>12.869.840.000</b>	<b>1.462.373.784</b>	<b>76.950.378</b>	<b>771.277.101</b>	<b>15.180.441.263</b>
Tăng trong năm	-	-	-	1.023.951.938	1.023.951.938
Giảm trong năm	-	-	-	700.003.535	700.003.535
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>12.869.840.000</b>	<b>1.462.373.784</b>	<b>76.950.378</b>	<b>1.095.225.504</b>	<b>15.504.389.666</b>

### b. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu thường	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu thường	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	771.277.101	578.610.697
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.023.951.938	830.076.904
Phân phối lợi nhuận năm trước	700.003.535	569.410.500
- Chia cổ tức	643.492.000	386.095.200
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.007.690	122.210.200
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	41.503.845	61.105.100
Phân phối Lợi nhuận năm nay	-	68.000.000
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	68.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>1.095.225.504</b>	<b>771.277.101</b>

### d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 11/04/2012 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2011 là 5%/vốn điều lệ, tương ứng 643.492.000 đồng.

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 5% vào ngày 04/01/2013. Dự kiến chi trả cổ tức ngày 17/01/2013.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu in ấn	12.178.847.497	26.358.724.763
Doanh thu bán giấy nguyên liệu	-	8.571.385.653
Doanh thu khác (bán giấy phế liệu)	35.609.429	-
<b>Cộng</b>	<b>12.214.456.926</b>	<b>34.930.110.416</b>

### 18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn in ấn	9.258.919.888	23.171.671.423
Giá vốn bán giấy nguyên liệu	-	8.353.210.226
<b>Cộng</b>	<b>9.258.919.888</b>	<b>31.524.881.649</b>

### 19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	641.126.881	506.756.853
<b>Cộng</b>	<b>641.126.881</b>	<b>506.756.853</b>

### 20. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu giấy tiết kiệm trong gia công	217.251.055	39.801.092
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	19.090.909	-
Hoàn nhập quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm	3.432.441	-
Thu nhập khác	2.200.001	-
<b>Cộng</b>	<b>241.974.406</b>	<b>39.801.092</b>

### 21. Chi phí khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Phạt chậm nộp thuế	20.229.419	-
Chi phí khác	-	28.200.000
<b>Cộng</b>	<b>20.229.419</b>	<b>28.200.000</b>

**22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.269.762.103	1.035.743.219
- Hoạt động kinh doanh chính	603.911.871	528.986.366
- Hoạt động khác	665.850.232	506.756.853
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	172.714.665	139.492.862
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không được trừ)	172.714.665	139.492.862
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.442.476.768	1.175.236.081
- Hoạt động kinh doanh chính	776.626.536	668.479.228
- Hoạt động khác	665.850.232	506.756.853
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	244.125.212	293.809.021
- Thuế TNDN hoạt động chính (*)	77.662.654	167.119.807
- Thuế TNDN hoạt động khác (25%)	166.462.558	126.689.214
Thuế TNDN được miễn giảm theo TT140/2012/TT-BTC	25.153.047	88.142.706
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	245.810.165	205.666.315
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	218.972.165	205.666.315
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	26.838.000	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>1.023.951.938</b>	<b>830.076.904</b>

(\*) Theo quy định tại điểm 8 chương VII Thông tư số 123/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì thu nhập từ hoạt động xuất bản được chuyển sang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% kể từ năm 2012.

**23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.023.951.938	830.076.904
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.023.951.938	830.076.904
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.286.984	1.286.984
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>796</b>	<b>645</b>

### 24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.238.371.741	13.329.816.649
Chi phí nhân công	5.357.762.247	5.359.721.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	999.047.132	1.370.362.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.104.234.242	1.725.304.417
Chi phí khác bằng tiền	1.035.234.234	1.463.379.177
<b>Cộng</b>	<b>11.734.649.596</b>	<b>23.248.584.131</b>

### 25. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về tỷ giá và lãi suất*

Do Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và không có nợ vay nên Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá và lãi suất.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong Tập đoàn Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	169.193.060	-	169.193.060
Chi phí phải trả	37.500.000	-	37.500.000
Phải trả khác	843.497.020	-	843.497.020
<b>Cộng</b>	<b>1.050.190.080</b>	<b>-</b>	<b>1.050.190.080</b>
<b>31/12/2011</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	10.675.652.949	-	10.675.652.949
Chi phí phải trả	200.544.710	-	200.544.710
Phải trả khác	830.117.477	-	830.117.477
<b>Cộng</b>	<b>11.706.315.136</b>	<b>-</b>	<b>11.706.315.136</b>

Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và Công ty tin tưởng rằng có thể tạo đủ nguồn lực để thanh toán nợ đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<b>31/12/2012</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và khoản tương đương tiền	4.827.321.334	-	4.827.321.334
Phải thu khách hàng	679.091.970	-	679.091.970
Phải thu khác	29.175.778	-	29.175.778
<b>Cộng</b>	<b>5.535.589.082</b>	<b>-</b>	<b>5.535.589.082</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	10.659.938.568	-	10.659.938.568
Phải thu khách hàng	4.747.905.163	-	4.747.905.163
Phải thu khác	60.649.677	-	60.649.677
<b>Cộng</b>	<b>15.468.493.408</b>	<b>-</b>	<b>15.468.493.408</b>

### 26. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư

#### b. Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Bán hàng (bao gồm cả thuế GTGT)</b>			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	D.vụ in ấn, bán giấy ng.liệu	372.024.999	-
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	D.vụ in ấn, bán giấy ng.liệu	8.910.675.285	34.329.191.413
Công ty CP Đtư & P.triển G.dục Phương Nam	D.vụ in ấn, bán giấy ng.liệu	3.280.051.514	2.350.618.154
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	D.vụ in ấn, bán giấy ng.liệu	200.500.000	203.300.000
Công ty CP Sách và T.bị Giáo dục Miền Nam	D.vụ in ấn, bán giấy ng.liệu	297.866.191	352.252.002
Công ty CP Sách Dân tộc	D.vụ in ấn, bán giấy ng.liệu	471.042.954	-
<b>Cho vay và thu hồi nợ vay</b>			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cho vay	3.000.000.000	-
	Lãi cho vay nhập gốc	148.800.000	-
	Thu hồi nợ vay	3.148.800.000	-

#### c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

<b>Công ty liên quan</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
<b>Số dư nợ phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	55.190.880	-
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	61.093.278	4.237.988.894
Công ty CP Đtư & P.triển G.dục Phương Nam	419.787.861	278.834.498
Công ty CP Sách Dân tộc	133.019.951	-
<b>Cho vay ngắn hạn thời gian 1 tháng</b>		
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	3.000.000.000	-

**27. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, báo cáo bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là cung cấp dịch vụ in ấn, cắt rọc và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Hồ Chí Minh.

**28. Các cam kết khác**

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 57/HĐHTKD ngày 08/07/2008 giữa Công ty với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh, hai bên hợp tác góp vốn đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa Tp. Hồ Chí Minh tại Lô số B1, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái Cụm II – Giai đoạn 2.

Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ khu đất diện tích 10.000 m<sup>2</sup> tại KCN Cát Lái và Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh góp vốn bằng toàn bộ chi phí xây dựng trên diện tích đất nêu trên. Kết quả kinh doanh được phân chia trên cơ sở kết quả lợi nhuận hoặc lỗ và rủi ro theo tỷ lệ 60% cho Công ty và 40% cho Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp. Hồ Chí Minh. Thời gian tính phân chia kết quả kinh doanh là 20 năm kể từ khi công trình được đưa vào khai thác sử dụng.

Thực tế hiện nay, việc đầu tư xây dựng công trình Nhà máy in Sách giáo khoa nêu trên đã chậm trễ và kéo dài trong nhiều năm qua do sự cố ngoài ý muốn. Công ty đã nhiều lần đề nghị Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh cho phép giãn tiến độ thực hiện dự án và gia hạn Giấy phép xây dựng. Theo đó, lần gần đây nhất là vào ngày 01/11/2011, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh đã có văn bản chấp thuận cho Công ty gia hạn thời hạn xây dựng Nhà máy đến tháng 07/2012, thời hạn lắp đặt máy móc thiết bị đến tháng 09/2012. Ngày 25/9/2012, Công ty đã có Công văn số 05/2012/TTr-SAP đề nghị Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh cho lùi thời gian triển khai dự án như sau: Thời gian xây dựng đến tháng 09/2013, thời gian lắp đặt máy móc thiết bị đến tháng 10/2013, thời gian bắt đầu sản xuất, kinh doanh đến tháng 12/2013. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được phản hồi từ phía Ban Quản lý.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Tính đến thời điểm 31/12/2012, lũy kế chi phí lãi vay và tiền thuê đất phân bổ trực tiếp liên quan đến dự án này là 2.099.549.435 đồng đang được Công ty theo dõi tại khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” của hoạt động liên doanh (Thuyết minh số 7).

### **29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### **30. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Giám đốc**

**Phụ trách kế toán**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thiên**

**Trần Thị Hà**

**Vũ Thị Nụ**

*Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2013*